TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/DS-ST
Ngày: 23-6-2025
V/v "*Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản, tranh chấp đòi tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải;

Bà Trần Thị Lãm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Cao Cường là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản, tranh chấp đòi tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần A (SAWAD JSC).

Địa chỉ trụ sở: Số 128, đường Nguyễn Du, phường BT, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông B – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp TH, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Minh T1, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp TH, xã LT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26-3-2025 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần A và anh Trần Minh T1 vào ngày 12/10/2024 có ký 01 Hợp đồng cho thuê tài sản, đối tượng cho thuê là một chiếc xe mô tô 02 bánh biển số 70CA-051.61, loại xe Honda Winner X màu đen, số khung

RLHKC4427RY004726, số máy KC46E5034817, giá thuê 37.621.005 đồng, thời hạn thuê là 12 tháng (từ 12/10/2020 đến 12/10/2025), số tiền thuê mỗi tháng là 3.135.083 đồng, trả vào 12 hàng tháng, yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 4% (trong trường hợp không thanh toán đúng hạn), phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng là 8% trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh T1 đã ngưng thanh toán tiền thuê cho công ty. Do đó, công ty cổ phần Ayêu cầu anh Trần Minh T1 có nghĩa vụ phải thanh toán ngay cho Công ty số tiền tính đến ngày 26/03/2025 là 29.100.046 đồng (Trong đó, tiền thuê xe chưa trả: 26.376.485 đồng; phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng: 613.443 đồng; phí phạt vi phạm: 2.110.118 đồng) theo Hợp đồng thuê xe ngày 12/10/2024. Ngoài ra anh T1 còn phải tiếp tục chịu tiền phí phát sinh theo hợp đồng cho thuê xe đã ký kể từ ngày 26/03/2025 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ và trả lại một chiếc xe mô tô 02 bánh biển số 70CA-051.61, loại xe Honda Winner X màu đen, số khung RLHKC4427RY004726, số máy KC46E5034817 cho Công ty Cổ phần A.

Ngày 06/6/2025, ông Lê Thanh T – người đại diện theo ủy quyền có đơn xin sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh T1 trả tiền thuê xe là 21.945.581 đồng, không yêu cầu tính lãi; xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 02 phí nêu trên.

Ngày 17/6/2025, ông Lê Thanh T – người đại diện theo ủy quyền có đơn sửa đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu đòi lại chiếc xe trên, không yêu cầu anh T1 phải trả lại chiếc xe đã thuê trên theo Hợp đồng cho thuê ngày 12/10/2024 mà trả lại giá trị chiếc xe là 20.000.000 đồng theo Giấy bán xe ngày 12/10/2024.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Minh T1 trình bày: Thống nhất với nội dung đơn khởi kiện của công ty và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của công ty.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 166, 472, 481, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147, 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần A đối với anh Trần Minh T1. Buộc anh Trần Minh T1 có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Asố tiền thuê xe là 21.945.581 đồng theo Hợp đồng cho thuê xe ngày 12/10/2024 và giá trị xe cho thuê là 20.000.000 đồng. Ghi nhận Công ty Cổ phần A không yêu cầu tính lãi.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần A đối với số tiền 613.443 đồng phí yêu cầu thanh toán và 2.110.118 đồng phí phạt vi phạm.

- Án phí sơ thẩm dân sự: Anh Trần Minh T1 phải chịu theo quy định. Công ty Cổ phần A không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đại diện nguyên đơn ông Lê Minh T, bị đơn anh Trần Minh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, anh T1 là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Công ty cổ phần A và anh Trần Minh T1 thừa nhận ngày 12/10/2024 có ký 01 Hợp đồng cho thuê tài sản, đối tượng cho thuê là một chiếc xe mô tô 02 bánh biển số 70CA-051.61, loại xe Honda Winner X màu đen, số khung RLHKC4427RY004726, số máy KC46E5034817, giá thuê 37.621.005 đồng, thời hạn thuê là 12 tháng (từ 12/10/2020 đến 12/10/2025), số tiền thuê mỗi tháng là 3.135.083 đồng, trả vào 12 hàng tháng, yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 4% (trong trường hợp không thanh toán đúng hạn), phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng là 8% trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Hợp đồng được ký kết giữa hai bên xuất phát từ sự tự nguyện, không trái pháp luật nên hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên từ thời điểm ký kết phù hợp với Điều 472 Bộ luật Dân sự. Tại đơn khởi kiện, công ty yêu cầu anh T1 trả tiền thuê xe là 26.376.485 đồng. Ngày 06/6/2025, ông Lê Thanh T – người đại diện theo ủy quyền có đơn xin sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh T1 trả tiền thuê xe là 21.945.581 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh T1 đã trả cho công ty số tiền thuê xe hàng tháng là 6.270.166 đồng. Đến ngày 12/12/2024 thì anh T1 không trả tiền thuê xe cho công ty, do đó anh T1 đã vi phạm nghĩa vụ như đã thỏa thuận trong hợp đồng, anh T1 cũng đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên yêu cầu trên của công ty là phù hợp theo Điều 481 Bộ luật Dân sự.

[3] Tại đơn khởi kiện, Công ty yêu cầu anh T1 trả phí yêu cầu thanh toán 4%/tháng là 613.443 đồng và phí phạt vi phạm 8%/tháng là 2.110.118 đồng như đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê ngày 12/10/2024 cho công ty. Ngày 06/6/2025, ông Lê Thanh T – người đại diện theo ủy quyền có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 02 phí trên. Việc Công ty rút yêu cầu khởi kiện là có lợi cho anh T1, phù hợp với nguyên tắc về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó đình chỉ yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại đơn khởi kiện, Công ty yêu cầu anh T1 trả lại một chiếc xe mô tô 02 bánh biển số 70CA-051.61, loại xe Honda Winner X màu đen, số khung RLHKC4427RY004726, số máy KC46E5034817 mà anh T1 đã thuê trong hợp đồng cho công ty. Ngày 17/6/2025, ông Lê Thanh T – người đại diện theo ủy

quyền có đơn sửa đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu đòi lại chiếc xe trên, không yêu cầu anh T1 phải trả lại chiếc xe đã thuê trên theo Hợp đồng cho thuê ngày 12/10/2024 mà trả lại giá trị chiếc xe là 20.000.000 đồng theo Giấy bán xe ngày 12/10/2024. Xét thấy, sau khi ký hợp đồng cho thuê xe, công ty đã giao chiếc xe cho anh T1, nhưng anh T1 lại giao xe cho vợ là chị Đỗ Thị Út, chị Út đã bán xe cho người khác nên không thể đòi lại chiếc xe, anh T1 cũng đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên yêu cầu trên của Công ty là có cơ sở chấp nhận theo Điều 166 Bộ luật Dân sự.

Từ phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của công ty Cổ phần A là có căn cứ chấp nhận; buộc anh T1 có nghĩa vụ trả lại công ty số tiền 21.945.581 đồng và 20.000.000 đồng, ghi nhận không yêu cầu tính lãi.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần A đối với số tiền 613.443 đồng phí yêu cầu thanh toán và 2.110.118 đồng phí phạt vi phạm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Trần Minh T1 phải chịu 41.945.581 đồng x 05% = 2.097.279 đồng (làn tròn thành 2.097.000 đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 472, 481, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần A đối với anh Trần Minh T1.

Buộc anh Trần Minh T1 có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần A số tiền thuê xe là 21.945.581 (Hai mươi mốt triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi mốt) đồng và giá trị xe cho thuê là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Ghi nhận Công ty Cổ phần A không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần A đối với số tiền 613.443 (Sáu trăm mười ba nghìn bốn trăm bốn mươi ba) đồng phí yêu cầu thanh toán và 2.110.118 (Hai triệu một trăm mười nghìn một trăm mười tám) đồng phí phạt vi phạm.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Minh T1 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.097.000 (Hai triệu không trăm chín mươi bảy nghìn) đồng.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí là 727.000 (Bảy trăm hai mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012684 ngày 24/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đúng quy định pháp luật.

4. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự*./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Bến Cầu;
- Chi cục THADS H.Bến Cầu;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm